

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt nội dung tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3317/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3306/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 81/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt nội dung tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực Lâm nghiệp và

Kiểm lâm; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Có danh mục và nội dung quy trình kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phần I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
	TTHC CẤP TỈNH	
	Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
1	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ sở pháp lý thực hiện bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	TTHC CẤP TỈNH				
	Lĩnh vực: Môi trường				
1	2.001767	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh

Phần II**NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC QUY TRÌNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Mã thủ tục: 1.012413	
Tên thủ tục: Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh	
2. Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
3. Trình tự thực hiện:	
3.1	Nộp hồ sơ TTHC
Chủ đầu tư dự án nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng đến Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>Cách thức thực hiện:</i> - Trường hợp nộp trực tiếp: Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trường hợp gửi qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Chủ đầu tư dự án gửi qua dịch vụ BCCI (Bưu cục của Bưu điện), nhân viên bưu điện nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trường hợp nộp qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Chủ đầu tư dự án truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn) và thực hiện đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử, chọn dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến theo hướng dẫn.	
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i> - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Qua Dịch vụ công trực tuyến: Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	
Thành phần hồ sơ:	

STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
I	Trường hợp phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng			
1	Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 227/2025/NĐ-CP)	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
2	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Bản sao văn bản giấy	Bản sao	01
3	Báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01

	1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng			
4	Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
II	<i>Trường hợp điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng</i>			
	<u>Trường hợp 1:</u> Dự án thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 42a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 27/2024/NĐ-CP			
1	Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và chủ rừng về việc thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
	<u>Trường hợp 2:</u> Dự án có thay đổi nội dung Phương án tạm sử dụng rừng đã được phê duyệt không thuộc quy định tại trường hợp 1 nêu trên			
1	Văn bản đề nghị điều chỉnh phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng của chủ đầu tư dự án theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
2	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án. Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Bản sao văn bản giấy	Bản sao	01

3	Báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng. Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng; Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
4	Điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

3.2 Tiếp nhận hồ sơ TTHC

- *Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp:* Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ (sau đây gọi chung là Cán bộ Một cửa) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hướng dẫn, hỗ trợ công dân đăng ký, đăng nhập tài khoản, chuẩn bị và nộp hồ sơ điện tử. Trường hợp công dân không có nhu cầu nộp hồ sơ điện tử cán bộ Một cửa thực hiện tiếp nhận phải xem xét, kiểm tra trả lời ngay tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả và chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết.

- *Hồ sơ tiếp nhận qua Dịch vụ Bưu chính:* Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra trả lời tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả và chuyển cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết.

- *Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến:* Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra trả lời tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc. Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ TTHC và xử lý hồ sơ theo quy trình. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ Một cửa phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để công dân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền.

Việc thông báo được gửi qua tài khoản của công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).

3.3 Giải quyết, trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

Bước 1: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, xác minh về báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng và tổ chức thẩm định Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng.

Cách thức thực hiện: Gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

Thành phần hồ sơ:

STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ	Số lượng
<i>I</i>	<i>Trường hợp phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng</i>		
1	Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao y	01
2	Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao y	01
3	Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh/xã	Bản ký số điện tử hoặc hồ sơ số hoá	01
<i>II</i>	<i>Trường hợp điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng</i>		

	<u>Trường hợp 2:</u> Dự án có thay đổi nội dung Phương án tạm sử dụng rừng đã được phê duyệt không thuộc quy định tại trường hợp 1 Dự án thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 42a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 27/2024/NĐ-CP		
1	Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao y	01
2	Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao y	01
3	Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Bản ký số điện tử hoặc hồ sơ số hoá	01
Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ			
Bước 2: Xem xét, quyết định phê duyệt Phương án hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; thuộc khu vực quốc phòng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng và gửi kết quả cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản; Bộ Quốc phòng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng và gửi kết quả cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.			

<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.				
<i>Địa điểm gửi kết quả trực tiếp:</i> Tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả		Số lượng
		Gửi trực tiếp	Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC	
1	Quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) Phương án tạm sử dụng rừng theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao y điện tử của UBND tỉnh	01
Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Qua DVBCCI hoặc dịch vụ công trực tuyến.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy tại nhà và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả		Số lượng
		Trả qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
1	Quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) Phương án tạm sử dụng rừng theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao y điện tử của UBND tỉnh	01
4	Thời hạn giải quyết: - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; khu vực quốc phòng: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.			

5	Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án.
6	Cơ quan giải quyết TTHC: - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp giải quyết thủ tục hành chính (nếu có): Bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
7	Phí, lệ phí (nếu có): Không.
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Dự án phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Dự án được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí. b) Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; dự án đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ; dự án nguồn điện, lưới điện nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; dự án cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư. c) Dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu: Dự án xây dựng công trình giao thông, đường sắt; dự án thủy lợi; dự án hồ chứa nước ngọt; dự án tôn tạo di tích cách mạng, dự án tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). b) Trường hợp dự án có cả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đối với phần diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng). Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng có tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư; c) Chỉ cho phép tạm sử dụng rừng trong trường hợp dự án bắt buộc phải sử dụng trên diện tích có rừng do không thể bố trí trên diện tích đất khác. Hạn chế tối đa diện tích tạm sử dụng rừng và chặt hạ cây rừng trong phạm vi diện tích được tạm sử dụng;

	d) Diện tích tạm sử dụng rừng phải được điều tra, đánh giá về hiện trạng, trữ lượng, tác động của việc tạm sử dụng rừng đối với hệ sinh thái rừng. Nội dung tác động vào rừng, trồng lại rừng, phục hồi rừng phải được thể hiện đầy đủ, chi tiết trong Phương án tạm sử dụng rừng; đ) Thời gian tạm sử dụng rừng phải được xác định rõ trong văn bản đề nghị quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng; không vượt quá thời gian thực hiện dự án; e) Không tạm sử dụng rừng trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, phạm vi diện tích rừng có các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm; không lợi dụng việc tạm sử dụng rừng để chặt, phá rừng, săn bắt động vật rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định của pháp luật, hợp thức hóa gỗ và lâm sản khai thác trái pháp luật; không đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; không xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên, hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng; g) Việc trồng lại rừng được thực hiện ngay trong mùa vụ trồng rừng gần nhất tại địa phương nhưng không quá 12 tháng tính từ thời gian kết thúc tạm sử dụng rừng đã được xác định trong Phương án tạm sử dụng rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm diện tích rừng được phục hồi đáp ứng tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.
9	Căn cứ pháp lý của TTHC: - Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Quyết định số 3317/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	Mẫu thành phần hồ sơ: Có biểu mẫu kèm theo.

Phụ lục I**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)
PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG***(Kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ)***TÊN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/...

..., ngày ... tháng ... năm

**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)
PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG
để thực hiện Dự án**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp.....

*Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số;**Căn cứ Quyết định số;**Căn cứ**- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án (chữ in hoa): (1)**- Địa chỉ trụ sở chính:**- Điện thoại:**- Họ và tên người đại diện:**+ Chức vụ:**+ Số CCCD:ngày, tháng, năm cấp:**+ Nơi cư trú:**Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) Phương án tạm sử dụng rừng như sau:**1. Các thông tin về tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng):**a) Thông tin về chủ rừng:**- Tên chủ rừng:.....**- Địa chỉ chủ rừng (xã, tỉnh)**b) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính); diện tích rừng (ha); loại rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); nguồn gốc hình thành (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng).**c) Mục đích của việc tạm sử dụng rừng..... (2)*

d) Thời gian tạm sử dụng rừng: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày... tháng ... năm ...

đ) Kinh phí và nguồn kinh phí khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:.....

2. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có):

3. Khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:.....

a) Phương thức khai thác:

b) Sản lượng dự kiến khai thác: gỗ.....m³; củi hoặc sản phẩm khác....ster/m³.

c) Thực vật rừng ngoài gỗ:tán; hoặccây (nếu xác định được).

4. Về trồng lại rừng, phục hồi rừng

Nêu rõ việc trồng lại rừng, phục hồi rừng; kinh phí và nguồn kinh phí trồng rừng,

.....

5. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

6. Hồ sơ

Có hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ kèm theo, gồm:

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, (3) kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tpxem xét, phê duyệt.

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(2) Ghi rõ mục đích tạm sử dụng rừng: Để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm thực hiện Dự án.....,

(3) Ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.

Phụ lục II**PHƯƠNG ÁN (HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN) TẠM SỬ DỤNG RỪNG**
(Kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
CƠ QUAN LẬP PHƯƠNG ÁN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN**Tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)**
để thực hiện Dự án

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp

*Căn cứ Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số;**Căn cứ Quyết định số;**Căn cứ;*

..... (1) lập Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm thực hiện Dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, phê duyệt, như sau:

1. Thông tin về tổ chức/chủ đầu tư dự án tạm sử dụng rừng

- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án (chữ in hoa) (2):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Họ và tên người đại diện:

+ Chức vụ:

+ Số CCCD:ngày, tháng, năm cấp:

+ Nơi cư trú:

2. Về vị trí, diện tích, loại rừng, trữ lượng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)

a) Tên, địa chỉ chủ rừng (xã, tỉnh):

b) Vị trí: lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.

c) Diện tích phân theo:

- Loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

- Nguồn gốc hình thành: rừng tự nhiên, rừng trồng.

d) Trữ lượng rừng:

đ) Loài cây, năm trồng đối với rừng trồng:

3. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có):

4. Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ trên phạm vi diện tích tạm sử dụng rừng

a) Phương thức khai thác (3):

b) Sản lượng dự kiến khai thác (4): gỗ.....m³; củi hoặc sản phẩm khác.... ster/m³.

c) Thực vật rừng ngoài gỗ (5):tân; hoặccây (nếu xác định được).

d) Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển (6):

đ) Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng (7):

e) Phương thức thu hồi gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ khai thác tận dụng: ...

g) Kinh phí, nguồn kinh phí khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:

h) Nội dung liên quan khác (nếu có)

5. Thời gian tạm sử dụng rừng:

Từ ngày ... tháng ... năm.... đến ngày ... tháng ... năm ...

6. Nội dung trồng lại diện tích rừng

a) Biện pháp trồng rừng: Thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về các biện pháp kỹ thuật lâm sinh.....

b) Thời gian trồng rừng, hoàn trả, bàn giao cho chủ rừng:

c) Nghiệm thu rừng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.....

d) Kinh phí trồng rừng:

đ)

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, (8) kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LẬP PHƯƠNG ÁN**

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

Ghi chú:

(1), (2) và (8) ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.

(3) Khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.

(4) và (5) Phương pháp xác định các chỉ tiêu này theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý lâm sản, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

(6) Tùy theo địa hình, khối lượng và kích thước gỗ khai thác, khả năng về trang thiết bị kỹ thuật để lựa chọn phương án và các loại hình vận xuất hợp lý, sao cho vừa đạt hiệu quả kinh tế, vừa hạn chế tác động xấu đến xói mòn đất, cây tái sinh.

(7) Nêu rõ các biện pháp như băm nhỏ cành ngọn sau khai thác, dọn vệ sinh rừng sau khai thác...

Phụ lục III**QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)
PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG***(Kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)***UBND TỈNH/TP.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) để thực hiện Dự án.....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng ... năm; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số**Căn cứ Quyết định số**Căn cứ**Căn cứ Phương án (hoặc điều chỉnh Phương án) tạm sử dụng rừng để thực hiện Dự án ngày ... tháng ... năm 20... của**Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) đối với diện tích ha rừng (gồm: rừng tự nhiên ha; rừng trồng.... ha) để thực hiện công trình xây dựng tạm của Dự án....., trong đó:

- Tên, địa chỉ chủ rừng:

- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án tạm sử dụng rừng:

- Rừng đặc dụng ... ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ... ha); rừng phòng hộ ...

ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha); rừng sản xuất.... ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha).

- Trữ lượng rừng:; loài cây, năm trồng đối với rừng trồng.
- Sản lượng dự kiến khai thác: gỗ.....m³; củi hoặc sản phẩm khác.... ster/m³.
- Thực vật rừng ngoài gỗ:tán; hoặccây (nếu xác định được).
- Vị trí: ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.
- Phương thức khai thác:
- Phương thức thu hồi gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ khai thác tận dụng:.....
- Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng:
- Thời gian tạm sử dụng rừng: từ ngày ... đến ngày
- Về trồng lại, phục hồi rừng: nội dung trồng lại rừng, phục hồi rừng, kinh phí và nguồn kinh phí trồng lại rừng, phục hồi rừng, thời gian trồng lại rừng, phục hồi rừng,
- Kinh phí và nguồn kinh phí khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ,.....

(Chi tiết tại Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng kèm theo).

Có hồ sơ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày... tháng năm 2025 của Chính phủ kèm theo, gồm:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:
2. Chủ đầu tư dự án:
3. Chủ rừng:
- 4

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/tp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,, tổ chức đề nghị tạm sử dụng rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng nhân dân (để b/c);
- Các Sở: NN&MT,...;
- ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

Phần III

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

1. TTHC áp dụng quy trình 12 ngày làm việc

1.1. Mã, tên TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
	TTHC CẤP TỈNH	
1	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng

1.2. Nội dung quy trình:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			TH: Diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; thuộc khu vực quốc phòng	TH: Không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản; Bộ Quốc phòng	
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Công chức, viên chức trực Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Xác minh, tổ chức thẩm định	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng - Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			TH: Diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; thuộc khu vực quốc phòng	TH: Không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản; Bộ Quốc phòng	
Bước 3	Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng - Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 4	Xem xét, ký duyệt kết quả	UBND tỉnh	13 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
Bước 5	Phát hành kết quả (cấp sổ, đóng dấu)	Văn thư UBND tỉnh	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Công chức, viên chức trực Bộ phận Một cửa	Không tính thời gian		